



Flashcardo.com

Vi håber, at disse printbare flashcards vil være nyttige for dig. For at finde endnu flere flashcard-produkter, gå til vores hjemmeside www.flashcardo.com/da. På Flashcardo.com tilbyder vi online flashcards, flashcards med gentagelser i intervaller, video-flashcards og meget mere. Alt sammen gratis og klar til brug for elever over hele verden.

Ophavsret, licensnoter

Denne PDF er beskyttet af ophavsretsloven, og alle rettigheder er forbeholdt. Du er fri til at dele denne PDF med hvem som helst. Du må dog ikke sælge denne PDF eller dens indhold. Hvis du har spørgsmål, gå venligst til www.flashcardo.com/da for at komme i kontakt med os. Tak!

Ansvarsfraskrivelse

DENNE PDF LEVERES "SOM DEN ER", UDEN GARANTI AF NOGEN ART, UDTRYKKELIG ELLER UNDERFORSTÅET, HERUNDER MEN IKKE BEGRÆNSET TIL GARANTIER OM SALGBARHED, EGNETHED TIL ET BESTEMT FORMÅL OG IKKE-KRÆNKELSE. UNDER INGEN OMSTÆNDIGHEDER KAN FORFATTERNE ELLER OPHAVSRETSINDEHAVERNE HOLDES ANSVARLIGE FOR NOGEN KRAV, SKADER ELLER ANDEN ANSVARLIGHED, UANSET OM DETTE SKYLDES KONTRAKT, ERSTATNINGSANSVAR ELLER ANDET, SOM OPSTÅR FRA, UDE FRA ELLER I FORBINDELSE MED PDF'EN ELLER BRUGEN ELLER ANDRE FORHOLD VEDRØRENDE PDF'EN.

Ophavsret © 2025 Flashcardo.com. Alle rettigheder forbeholdes

Dobbeltsidet print

Bemærk venligst, at disse flashcards er beregnet til at blive printet dobbeltsidet. Hvis din printer ikke kan printe dobbeltsidet, bedes du downloade de enkelte flashcard-PDF'er til print.

Basis

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

han

du

jeg

vi

det

hun

hvad

de

I

hvorfor

hvor

hvem

hvornår

hvilken

hvordan

virkelig

hvis

så

ikke

fordi

men

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

alle

det

dette

her

og

eller

højre

venstre

der

formiddag

eftermiddag

nu

aften

morgen

nat

time

midnat

middag

dag

sekund

minut

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

år

måned

uge

i morgen

i dag

i går

onsdag

tirsdag

mandag

lørdag

fredag

torsdag

mand

kvinde

søndag

kæreste

kæreste

kærlighed

sex

kys

ven

trẻ em

con gái
đại cường

con trai
đại cường

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

dreng

pige

barn

moder

far

mor

søn

forældre

fader

lillebror

lillesøster

datter

mand

storebror

storesøster

altid

hver

kone

allerede

igen

faktisk

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

mere

mest

mindre

ude

meget

ingen

nær

fjern

inde

ved siden af

over

under

alle

bagved

frem

forår

andre

sammen

vinter

efterår

sommer

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

marts

februar

januar

juni

maj

april

september

august

juli

december

november

oktober

syd

øst

nord

straks

tit

vest

selvom

pludselig

Tal

không

một

hai

ba

bốn

năm

sáu

bảy

tám

chín

mười

mười một

mười hai

mười ba

mười bốn

mười năm

mười sáu

mười bảy

mười tám

mười chín

hai mươi

2	1	0
5	4	3
8	7	6
11	10	9
14	13	12
17	16	15
20	19	18

hai mươi mốt

hai mươi hai

hai mươi sáu

ba mươi

ba mươi mốt

ba mươi ba

ba mươi bảy

bốn mươi

bốn mươi mốt

bốn mươi bốn

bốn mươi tám

năm mươi

năm mươi mốt

năm mươi lăm

năm mươi chín

sáu mươi

sáu mươi mốt

sáu mươi hai

sáu mươi sáu

bảy mươi

bảy mươi mốt

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

bảy mươi ba

bảy mươi bảy

tám mươi

tám mươi mốt

tám mươi bốn

tám mươi tám

chín mươi

chín mươi mốt

chín mươi lăm

chín mươi chín

một trăm

một trăm linh một

một trăm linh năm

một trăm mười

một trăm năm mươi mốt

hai trăm

hai trăm linh hai

hai trăm linh sáu

hai trăm hai mươi

hai trăm sáu mươi hai

ba trăm

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

ba trăm linh ba

ba trăm linh bảy

ba trăm ba mươi

ba trăm bảy mươi ba

bốn trăm

bốn trăm linh bốn

bốn trăm linh tám

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm tám mươi bốn

năm trăm

năm trăm linh năm

năm trăm linh chín

năm trăm năm mươi

năm trăm chín mươi lăm

sáu trăm

sáu trăm linh một

sáu trăm linh sáu

sáu trăm mười sáu

sáu trăm sáu mươi

bảy trăm

bảy trăm linh hai

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

bảy trăm linh bảy

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm bảy mươi

tám trăm

tám trăm linh ba

tám trăm linh tám

tám trăm ba mươi tám

tám trăm tám mươi

chín trăm

chín trăm linh bốn

chín trăm linh chín

chín trăm bốn mươi chín

chín trăm chín mươi

một nghìn

một nghìn không trăm linh
một

một nghìn không trăm mười
hai

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

hai nghìn

hai nghìn không trăm linh hai

hai nghìn không trăm hai
mười ba

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

ba nghìn

ba nghìn không trăm linh ba

bốn nghìn

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

năm nghìn

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

sáu nghìn

bảy nghìn

bảy nghìn tám trăm chín
mười

tám nghìn

tám nghìn chín trăm linh một

chín nghìn

chín nghìn không trăm chín
mười

mười nghìn

mười nghìn không trăm linh
một

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

ba mươi nghìn ba trăm

bốn mươi bốn nghìn

một trăm nghìn

năm trăm nghìn

một triệu

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

sáu triệu

mười triệu

bảy mươi triệu

một trăm triệu

tám trăm triệu

một tỷ

chín tỷ

mười tỷ

hai mươi tỷ

một trăm tỷ

ba trăm tỷ

một nghìn tỷ

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

Udsagnsord

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

at komme

at tænke

at vide

at finde

at tage

at sætte

at tale

at arbejde

at lytte

at hjælpe

at kunne lide

at give

at vente

at ringe

at elske

at lukke

at sidde

at stå

at vinde

at tabe

at åbne

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

at tænde

at leve

at dø

at skade

at dræbe

at slukke

at drikke

at se

at røre

at møde

at gå

at spise

at følge

at kysse

at vædde

at spørge

at svare

at gifte sig

at presse

at skubbe

at trække

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

at kæmpe

at fange

at slå

at læse

at løbe

at kaste

at tælle

at reparere

at skrive

at købe

at sælge

at klippe

at drømme

at studere

at betale

at fejre

at lege

at sove

at skyde

at rengøre

at nyde

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủ

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

at stjæle

at angribe

at forsvare

at flyve

at redde

at brænde

at bide

at sparke

at spytte

at græde

at lugte

at ånde

at grine

at smile

at synge

at skændes

at krympe

at vokse

at gemme

at fodre

at dele

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

at hoppe

at svømme

at advare

at levere

at grave

at løfte

at rejse

at øve

at lede efter

at låse

at åbne

at male

at lave mad

at bede

at vaske

at citere

at råbe

at kaste op

at tjene

at beregne

at udskrive

Tillægsord

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

få

gammel

ny

korrekt

forkert

mange

lykkelig

god

dårlig

lille

lang

kort

ung

smuk

stor

sort

hvid

gammel

grøn

blå

rød

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

hurtig

langsom

gul

retfærdig

uretfærdig

sjov

rig

let

vanskelig

svag

stærk

fattig

stolt

træt

sikker

sund

syg

mæt

høj

lav

vred

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

blød

sur

sød

dum

sød

hård

høj

travl

skør

overrasket

bekymret

lille

klog

ond

velopdragen

orange

hed

kold

lyserød

brun

grå

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

let

tung

kedelig

tørstig

sulten

ensom

flad

stejl

trist

dyb

bred

smal

beskidt

kæmpe

lav

tom

fuld

ren

sexet

billig

dyr

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

gavmild

modig

doven

højt

tør

våd

regnfuld

solrig

stille

overskyet

tåget

Sport

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

løb

tennis

gymnastik

fodbold

golf

cykling

dykning

svømning

basketball

triathlon

maratonløb

vandreture

boksning

vægtløftning

bordtennis

snowboarding

kunstskejt

badminton

ishockey

langrend

skiløb

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

beach volleyball

håndbold

volleyball

baseball

cricket

rugby

udspring

vandpolo

amerikansk fodbold

roning

sejlads

surfing

faldskærmsudspring

dans

yoga

bowling

poker

skak

ballet

Dyr

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

hest

ko

gris

abe

får

hund

kylling

bjørn

kat

bi

sommerfugl

and

slange

edderkop

fisk

kanin

mus

tiger

elefant

æsel

løve

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

myg

bille

due

hval

myre

flue

snegl

delfin

haj

isbjørn

panda

frø

kænguru

koala

ulv

flodhest

ræv

giraf

svane

ravn

flagermus

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

pingvin

ugle

måge

guldsmed

larve

papegøje

søhest

blæksprutte

blæksprutte

krabbe

vandmand

sæl

krokodille

skildpadde

dinosaur

Lande

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Amerika

Asien

Europa

Spanien

Storbritannien

Afrika

Frankrig

Italien

Schweiz

Singapore

Thailand

Tyskland

Israel

Japan

Rusland

Amerikas Forenede Stater

Kina

Indien

Chile

Canada

Mexico

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Sydafrika

Argentina

Brasilien

Libyen

Marokko

Nigeria

Egypten

Algeriet

Kenya

Australien

New Zealand

Krop

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

hår

næse

hoved

øje

øre

mund

hjerte

fod

hånd

bagdel

hals

hjerne

ben

knæ

skulder

barm

mave

arm

tunge

tand

ryg

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

tå

finger

læbe

lever

lunge

mavesæk

tarm

nyre

nerve

kind

hage

pande

lillefinger

tommelfinger

skæg

pegefinger

langefinger

ringfinger

rygrad

hæl

fingernegl

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

skelet

knogle

muskel

blære

ryghvirvel

ribben

vagina

pulsåre

vene

testikel

penis

sperma

Hus

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

badeværelse

køkken

dør

have

soveværelse

stue

kælder

væg

garage

tag

trappe

toilet

kop

kniv

vindue

bæger

tallerken

glas

skrivebord

skål

skraldespand

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xép

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

bruser

spejl

seng

ur

billede

sofa

nabo

stol

bord

loftsrum

altan

elevator

spisepind

træske

skorsten

gaffel

ske

bestik

pande

gryde

slev

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

gardin

bogreol

lyspære

tæppe

pude

madras

garderobe

skuffe

hylde

badevægt

kost

spand

badehåndklæde

badekar

vasketøjskurv

håndklæde

toiletpapir

sæbe

postkasse

stige

håndvask

hàng rào

hegn

Mad

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

mælk

ost

æg

knogle

kød

fisk

sukker

brød

olie

kage

slik

chokolade

te

kaffe

vand

salat

vin

øl

morgenmad

dessert

suppe

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

pizza

aftensmad

frokost

yoghurt

smør

flødeis

skinke

laks

tunfisk

kalkunkød

pølse

bacon

svinekød

oksekød

kyllingekød

champignon

græskar

lammekød

porre

hvidløg

trøffel

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

sød kartoffel

aubergine

ingefær

chili

agurk

gulerod

kartoffel

løg

rød peber

broccoli

kål

blomkål

bambus

spinat

salat

ært

selleri

majs

æble

pære

bønne

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dứa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

daddel

figen

oliven

hasselnød

mandel

kokosnød

mango

banan

jordnød

ananas

avocado

kiwi

hønningmelon

vindrue

vandmelon

jordbær

blåbær

hindbær

abrikos

blomme

kirsebær

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

grapefrugt

citron

fersken

mynte

tomat

appelsin

vanilje

kanel

citrongræs

karry

peber

salt

eddike

tofu

tobak

mel

sojamælk

nudel

hvede

havre

ris

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

honning

nød

soja

pandekage

tyggegummi

marmelade

muffin

budding

småkage

appelsinjuice

energidrik

donut

cola

milkshake

æblejuice

rom

cocktail

varm chokolade

menukort

vodka

whisky

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

sushi

spaghetti

fisk og skaldyr

kyllingevinger

chips

popcorn

mayonnaise

sennep

pomfritter

hotdog

sandwich

ketchup

burger

Skole

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

ngiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

lektie

bibliotek

bog

videnskab

lektion

eksamen

pen

kunst

historie

anden

første

blyant

forskning

fjerde

tredje

ordbog

sportsplads

grad

geometri

notesbog

semester

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

ba phần trăm

một trăm phần trăm

không phần trăm

mét khối

økonomi

filosofi

politik

matematik

biologi

idræt

kemi

litteratur

geografi

viskelæder

lineal

fysik

lim

klisterbånd

saks

3%

klips

kuglepen

kubikmeter

0%

100%

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

meter

mil

kvadratmeter

decimeter

centimeter

millimeter

multiplikation

subtraktion

addition

volumen

areal

division

trekant

firkant

rektangel

milliliter

liter

cirkel

gram

kilogram

ton

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

tragt

mikroskop

magnet

foredrag

laboratorium

Natur

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

diamant

ild

aske

stjerne

sol

måne

sø

kyst

planet

bakke

ørken

skov

dal

flod

sten

ocean

ø

bjerg

sne

is

hav

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lực địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

vind

regn

storm

rose

græs

træ

jord

metal

blomst

sand

kul

lava

satellit

raket

ler

kontinent

asteroide

galakse

Nordpolen

Sydpolen

ækvator

suối

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

hule

regnskov

vandløb

gletsjer

kyst

vandfald

vulkan

krater

jordskælv

tåge

oversvømmelse

atmosfære

lyn

torden

regnbue

tyfon

temperatur

tordenvejr

gren

sky

orkan

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

stamme

rod

blad

carbondioxid

plast

frø

ilt

jern

atom

sølv

guld

Transport

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

tog

bus

bil

fly

busstoppested

togstation

cykel

lastbil

skib

trafiklys

taxa

motorcykel

batteri

vej

parkeringsplads

rat

airbag

motor

bagagerum

dæk

sikkerhedssele

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

undergrundsbane

billetkontor

billetautomat

spovogn

lokomotiv

højhastighedstog

lufthavn

minibus

skolebus

første klasse

helikopter

flyselskab

redningsvest

business class

økonomiklasse

krydstogtskib

ubåd

container

færge

yacht

containerskib

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

radar

redningsbåd

havn

tankstation

fortov

gadelampe

trafikprop

fodgængerfelt

byggeplads

gravemaskine

tank

motorvej

scooter

anhænger

traktor

svævebane

By

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

hus

skole

hospital

supermarked

marked

regning

gård

universitet

lejlighed

bar

restaurant

kirke

toilet

park

fitnesscenter

politi

ambulance

kort

forstad

land

brandvæsen

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

indkøbscenter

garanti

landsby

slot

skyskraber

apotek

tempel

synagoge

ambassade

rådhus

moske

fabrik

natklub

springvand

postkontor

fodboldstadion

golfbane

bænk

turistinformation

tennisbane

svømmehal

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

museum

kunstgalleri

kasino

akvarium

souvenir

nationalpark

vandland

rutsjebane

vandrutsjebane

nøddgang

legeplads

zoo

politistation

brandslukker

brandalarm

hovedstad

region

stat

Hospital

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

kirurgi

patient

ulykke

hoste

feber

pille

venteværelse

intensivafdeling

skadestue

udløbsdato

sovepille

aspirin

bivirkning

hostesaft

dosis

kapsel

pulver

insulin

antibiotikum

smertestillende medicin

vitamin

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chuồn rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

hjerteanfald

virus

bakterie

slagtilfælde

sukkersyge

diarre

influenza

kræft

astma

ondt i halsen

solskoldning

tandpine

allergi

infektion

mavepine

sprøjte

hovedpine

krampe

ultralydsmaskine

røntgenbillede

krykke

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

gips bandage

kørestol

plaster

nødsituation

skade

puls

knoglebrud

forbrænding

hjernerystelse

graviditetstest

P-pille

Jobs

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

politimand

sygeplejerske

læge

detektiv

kaptajn

præsident

lærer

professor

pilot

assistent

sekretær

advokat

kok

manager

dommer

model

buschauffør

taxachauffør

farmaceut

statsminister

kunstner

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

entreprenør

tandlæge

brandmand

stewardesse

programmør

politiker

arkitekt

pædagog

videnskabsmand

anklager

konsulent

bogholder

udlejer

livvagt

administrerende direktør

soldat

sikkerhedsvagt

tjener

blikkenslager

rengøringsassistent

fisker

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

receptionist

landmand

elektriker

frisør

kassedame

postbud

fotograf

journalist

forfatter

musiker

sanger

livredder

træner

reporter

skuespiller

dommer

Forretning

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

stress

kontor

penge

afdeling

personale

forsikring

brev

adresse

løn

e-mailadresse

webadresse

telefonnummer

underskrift

e-mail

website

kunde

profit

tab

adgangskode

kreditkort

beløb

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

mødelokale

skat

pengeautomat

personaleafdeling

IT

visitkort

markedsføring

regnskab

juridisk afdeling

arbejdsgiver

kollega

salg

præsentation

notat

medarbejder

projektor

gummistempel

mappe

kuvert

frimærke

pakke

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

børs

investering

browser

rente

mønt

pengeseddel

bankkonto

kontonummer

lån

Tekniske apparater

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

kamera

fjernsyn

telefon

klimaanlæg

ventilator

radio

støvsuger

brødrister

kaffemaskine

opvaskemaskine

kedel

hårtørrer

mikroovn

ovn

komfur

fjernbetjening

vaskemaskine

køleskab

tastatur

mus

høretelefon

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

scanner

USB stik

harddisk

bærbar

skærm

printer

højttaler

robot